

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai phê duyệt danh sách học sinh được hưởng chế độ theo Nghị định 105/2020/NĐ-CP; Nghị định 81/2021/NĐ-CP; Nghị quyết 11/2022/NQ-HĐND năm học 2024-2025

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính, sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1934/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2024 của UBND thành phố Gia Nghĩa, Về việc phê duyệt danh sách trẻ em mẫu giáo được hỗ trợ tiền ăn trưa năm học 2024-2025 theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1935/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2024 của UBND thành phố Gia Nghĩa, Về việc phê duyệt danh sách trẻ em mẫu giáo và học sinh được hỗ trợ chi phí học tập trực tiếp năm học 2024-2025 theo Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của HĐND tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Quyết định số 1936/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2024 của UBND thành phố Gia Nghĩa, Về việc phê duyệt danh sách trẻ em mẫu giáo, học sinh phổ thông được miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2024-2025 theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ;

Theo đề nghị của bộ phận kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai phê duyệt danh sách học sinh được hưởng chế độ theo Nghị định 105/2020/NĐ-CP; Nghị định 81/2021/NĐ-CP; Nghị quyết 11/2022/NQ-HĐND năm học 2024-2025 của trường Mầm non Hòa Mi

(Có danh sách chi tiết kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Kế toán, thủ quỹ và các bộ phận, cá nhân liên quan thuộc trường Mầm non Hòa Mi thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu :VT./.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Lê Thị Lan



DANH SÁCH CÔNG BỐ CÔNG KHAI PHÊ DUYỆT DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC HƯỞNG CHẾ ĐỘ

Năm học 2024-2025

(Kèm theo Quyết định số 35/QĐ-HM ngày 21/11/2024 của trường Mầm non Hoa Mi)

ST T	Họ và tên	Ngày tháng, năm sinh	Lớp	Giới tính	Dân tộc	Quan hệ với chủ hộ	Địa chỉ	Đối tượng	Họ và tên cha	Họ và tên mẹ	Số tiền được hỗ trợ/ tháng	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
I	Chế độ hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo												14.850.000	
1	H' Ngọc Quế	29/08/2021	Mầm 2	Nữ	Mạ	Con	Bon Bu Sóp- Đăk Nia	Hộ nghèo	K' Dương	H' Duyên	150.000	9	1.350.000	
2	K' Anh Dũng	17/11/2020	Chồi 3	Nam	Mạ	Con	Bon Tinh Wel Đom- Đăk Nia	Hộ nghèo	K' Hùng	H' Ler	150.000	9	1.350.000	
3	Chí Gia Khiêm	27/10/2020	Chồi 4	Nam	Nùng	Con	Thôn Đăk Tân- Đăk Nia	Hộ nghèo	Chí Văn Đạo	Vương Thị Nguyệt	150.000	9	1.350.000	
4	Đình Thị Chì	11/01/2021	Chồi 5	Nữ	Kinh	Cháu	Bon Phi Mur- Quảng Khê	Ở thôn đặc biệt khó khăn		Đình Thị Khâm	150.000	9	1.350.000	
5	Nguyễn Xuân Phát	06/05/2019	Lá 1	Nam	Kinh	Con	Bon R'Bút- Quảng Sơn	Ở thôn đặc biệt khó khăn	Nguyễn Xuân An	Nguyễn Thị Thanh Tuyết	150.000	9	1.350.000	
6	Nguyễn Hữu Phát	06/09/2019	Lá 1	Nam	Kinh	Cháu	Bon Tinh Wel Đăng- Đăk Ha	Ở thôn đặc biệt khó khăn	Nguyễn Nhật Minh	Trần Thị Cẩm Tiên	150.000	9	1.350.000	
7	Nguyễn Thiên Phước	02/04/2019	Lá 3	Nam	Kinh	Con	Bon Phi Mur- Quảng Khê	Ở thôn đặc biệt khó khăn	Nguyễn Văn Hào	Nguyễn Thị Khuyên	150.000	9	1.350.000	
8	H' Hiền	09/05/2019	Lá 4	Nữ	M' Nông	Con	Bon Srê Ú- Đăk Nia	Hộ nghèo	Y Minh	H' Ngel	150.000	9	1.350.000	
9	Bế K Nghia	08/04/2019	Lá 4	Nam	Tày	Cháu	Thôn 4- Đăk Ha	Ở thôn đặc biệt khó khăn	Bế Văn Dũng	H' Vân	150.000	9	1.350.000	
10	Đoàn Minh Đạt	25/10/2019	Lá 4	Nam	Kinh	Con	Thôn 5- Đăk Ha	Ở thôn đặc biệt khó khăn	Đoàn Chung Thuỷ	Trần Thị Ngọc Hạnh	150.000	9	1.350.000	
11	K' Nghiêm	26/05/2020	Lá 5	Nam	Mạ	Con	Bon Srê Ú- Đăk Nia	Hộ nghèo		H' Loan	150.000	9	1.350.000	
II	Chế độ miễn, giảm học phí theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo												1.620.000	
1	H' Ngọc Quế	29/08/2021	Mầm 2	Nữ	Mạ	Con	Bon Bu Sóp- Đăk Nia	Hộ nghèo	K' Dương	H' Duyên	30.000	9	270.000	
2	K' Anh Dũng	17/11/2020	Chồi 3	Nam	Mạ	Con	Bon Tinh Wel Đom- Đăk Nia	Hộ nghèo	K' Hùng	H' Ler	30.000	9	270.000	



3	Chí Gia Khiêm	27/10/2020	Chòi 4	Nam	Nùng	Con	Thôn Đăk Tân- Đăk Nia	Hộ nghèo	Chí Văn Đạo	Vương Thị Nguyệt	30.000	9	270.000	
4	K' Nghiêm	26/05/2020	Lá 5	Nam	Mạ	Con	Bon Srê Ú- Đăk Nia	Hộ nghèo		H' Loan	30.000	9	270.000	
5	K' Việ	13/01/2020	Chòi 2	Nam	Mạ	Con	Bon Tinh Wel Đom- Đăk Nia	Hộ cận nghèo	K' Ndai	H' Hang	15.000	9	135.000	
6	Hạng A Quốc Cường	18/03/2021	Chòi 4	Nam	H' Mông	Cháu	Thôn 5- Đăk Ha- Đăk Glong	Hộ cận nghèo	Hạng A Sáng	Sùng Thị Nu	15.000	9	135.000	
7	Phan Thị Thanh Trúc	03/03/2020	Chòi 4	Nữ	Nùng	Con	Thôn Đăk Tân- Đăk Nia	Hộ cận nghèo	Phan Văn Tuấn Anh	Lưu Thị Thơ	15.000	9	135.000	
8	K' Toại	28/04/2020	Lá 5	Nam	Mạ	Con	Bon Srê Ú- Đăk Nia	Hộ cận nghèo	K' Minh	H Nir	15.000	9	135.000	
III Chế độ hỗ trợ ăn trưa theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục Mầm non													25.920.000	
1	H' Ngọc Quế	29/08/2021	Mầm 2	Nữ	Mạ	Con	Bon Bu Sóp- Đăk Nia	Hộ nghèo	K' Dương	H' Duyên	160.000	9	1.440.000	
2	K' Việ	13/01/2020	Chòi 2	Nam	Mạ	Con	Bon Tinh Wel Đom- Đăk Nia	Hộ cận nghèo	K' Ndai	H' Hang	160.000	9	1.440.000	
3	K' Anh Dũng	17/11/2020	Chòi 3	Nam	Mạ	Con	Bon Tinh Wel Đom- Đăk Nia	Hộ nghèo	K' Hùng	H' Ler	160.000	9	1.440.000	
4	Hạng A Quốc Cường	18/03/2021	Chòi 4	Nam	H' Mông	Cháu	Thôn 5- Đăk Ha- Đăk Glong	Hộ cận nghèo	Hạng A Sáng	Sùng Thị Nu	160.000	9	1.440.000	
5	Chí Gia Khiêm	27/10/2020	Chòi 4	Nam	Nùng	Con	Thôn Đăk Tân- Đăk Nia	Hộ nghèo	Chí Văn Đạo	Vương Thị Nguyệt	160.000	9	1.440.000	
6	Phan Thị Thanh Trúc	03/03/2020	Chòi 4	Nữ	Nùng	Con	Thôn Đăk Tân- Đăk Nia	Hộ cận nghèo	Phan Văn Tuấn Anh	Lưu Thị Thơ	160.000	9	1.440.000	
7	Đinh Thị Chị	11/01/2021	Chòi 5	Nữ	Kinh	Cháu	Bon Phi Mur- Quảng Khê	Ở thôn đặc biệt khó khăn		Đinh Thị Khâm	160.000	9	1.440.000	
8	Nguyễn Xuân Phát	06/05/2019	Lá 1	Nam	Kinh	Con	Bon R'Bút- Quảng Sơn	Ở thôn đặc biệt khó khăn	Nguyễn Xuân An	Nguyễn Thị Thanh Tuyết	160.000	9	1.440.000	
9	Nguyễn Hữu Phát	06/09/2019	Lá 1	Nam	Kinh	Cháu	Bon Tinh Wel Đom- Đăk Ha	Ở thôn đặc biệt khó khăn	Nguyễn Nhật Minh	Trần Thị Cẩm Tiên	160.000	9	1.440.000	
10	Nguyễn Thiên Phước	02/04/2019	Lá 3	Nam	Kinh	Con	Bon Phi Mur- Quảng Khê	Ở thôn đặc biệt khó khăn	Nguyễn Văn Hào	Nguyễn Thị Khuyên	160.000	9	1.440.000	
11	K' Nghiêm Niê	21/11/2019	Lá 3	Nam	Mạ	Con	Bon Tinh Wel Đom- Đăk Nia	Hộ cận nghèo	Y Năm Niê	H Bạc	160.000	9	1.440.000	
12	Bé K Nghĩa	08/04/2019	Lá 4	Nam	Tây	Cháu	Thôn 4- Đăk Ha	Ở thôn đặc biệt khó khăn	Bé Văn Dũng	H' Vân	160.000	9	1.440.000	
13	Đoàn Minh Đạt	25/10/2019	Lá 4	Nam	Kinh	Con	Thôn 5- Đăk Ha	Ở thôn đặc biệt khó khăn	Đoàn Chung Thủy	Trần Thị Ngọc Hạnh	160.000	9	1.440.000	
14	K' Linh	24/09/2019	Lá 4	Nam	Mạ	Con	Bon Srê Ú- Đăk Nia	Hộ cận nghèo	K' Siêng	H' Ngoan	160.000	9	1.440.000	

15	H' Hiềng	09/05/2019	Lá 4	Nữ	M' Nông	Con	Bon Srê Ú- Đăk Nía	Hộ nghèo	Y Minh	H' Ngel	160.000	9	1.440.000	
16	Hạng Thị Thảo Chi	07/02/2019	Lá 4	Nữ	H' Mông	Cháu	Thôn 5- Đăk Ha- Đăk Glong	Hộ cận nghèo	Hạng A Sáng	Sùng Thị Nu	160.000	9	1.440.000	
17	K' Toại	28/04/2020	Lá 5	Nam	Mạ	Con	Bon Srê Ú- Đăk Nía	Hộ cận nghèo	K' Minh	H Nir	160.000	9	1.440.000	
18	K' Nghiêm	26/05/2020	Lá 5	Nam	Mạ	Con	Bon Srê Ú- Đăk Nía	Hộ nghèo		H' Loan	160.000	9	1.440.000	
IV	Chế độ hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị quyết 11/2022/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 quy định một số chính sách thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông												10.350.000	
1	K' Viện	13/01/2020	Chòi 2	Nam	Mạ	Con	Bon Tinh Wel Đom- Đăk Nía	Hộ cận nghèo	K' Nđai	H' Hang	150.000	9	1.350.000	
2	Hạng A Quốc Cường	18/03/2021	Chòi 4	Nam	H' Mông	Cháu	Thôn 5- Đăk Ha- Đăk Glong	Hộ cận nghèo	Hạng A Sáng	Sùng Thị Nu	150.000	9	1.350.000	
3	Phan Thị Thanh Trúc	03/03/2020	Chòi 4	Nữ	Nùng	Con	Thôn Đăk Tân- Đăk Nía	Hộ cận nghèo	Phan Văn Tuấn Anh	Lưu Thị Thơ	150.000	9	1.350.000	
4	K' Nghiêm Niê	21/11/2019	Lá 3	Nam	Mạ	Con	Bon Tinh Wel Đom- Đăk Nía	Hộ cận nghèo	Y Năm Niê	H Bạc	150.000	9	1.350.000	
5	K' Linh	24/09/2019	Lá 4	Nam	Mạ	Con	Bon Srê Ú- Đăk Nía	Hộ cận nghèo	K' Siêng	H' Ngoan	150.000	9	1.350.000	
6	Hạng Thị Thảo Chi	07/02/2019	Lá 4	Nữ	H' Mông	Cháu	Thôn 5- Đăk Ha- Đăk Glong	Hộ cận nghèo	Hạng A Sáng	Sùng Thị Nu	150.000	9	1.350.000	
7	K' Toại	28/04/2020	Lá 5	Nam	Mạ	Con	Bon Srê Ú- Đăk Nía	Hộ cận nghèo	K' Minh	H Nir	150.000	9	1.350.000	
8	K' Bảo Phước	06/10/2020	Lá 5	Nam	Mạ	Con	Bon Srê Ú- Xã Đăk Nía	Hộ thoát nghèo	K' Bin	H' Brang	100.000	9	900.000	
	Tổng cộng												52.740.000	

Tổng số tiền ghi bằng chữ:

Năm mươi hai triệu, bảy trăm bốn mươi ngàn đồng

